

Số: 734/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định tổ chức đào tạo và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUU CHÍNH VIỄN THÔNG

- Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT-GDDH ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức đào tạo và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trình độ đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng: Giáo vụ, Đào tạo, Chính trị và Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý NCKH&HTQT; Trưởng Trung tâm KT&ĐBCLGD, Trưởng Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Vũ Tuấn Lâm

QUY ĐỊNH TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ tiếng Anh; tổ chức lớp học phần tiếng Anh; điều kiện miễn học, miễn thi và kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (viết tắt là Học viện).

2. Đối với các sinh viên thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc các phương thức đào tạo khác, Học viện sẽ ban hành quy định riêng để đảm bảo chuẩn đầu ra phù hợp với từng chương trình và phương thức đào tạo.

Điều 2. Mục đích

1. Quy định này nhằm chuẩn hóa tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh; đảm bảo sinh viên được đào tạo đầy đủ 4 kỹ năng sử dụng tiếng Anh là nghe, nói, đọc, viết; và hướng tới chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế.

2. Quy định này nhằm đảm bảo sinh viên được đào tạo đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh trước khi tốt nghiệp.

Điều 3. Khung chương trình đào tạo chuẩn môn học tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế

Khóa học	Điểm yêu cầu đầu vào	Điểm yêu cầu đầu ra	Tổ chức đào tạo		Thời gian	Ghi chú
			Tự học trực tuyến	Học trực tiếp		
Kiểm tra trình độ tiếng Anh (TA) đầu vào						
Course 0 - Học phần bổ trợ (4 tín chỉ)	A0 (<150)*	A1 (150+)*	~4h/unit/tuần Tổng số: 56 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 2 tiết/buổi; - Tổng số: 60 tiết.	Theo kế hoạch đào tạo riêng	- Đối tượng bắt buộc: sinh viên chưa đạt yêu cầu trong kiểm tra tiếng Anh đầu vào; - Kết quả học tập không tính vào điểm TBC tích lũy
Course 1 (4 tín chỉ)	A1 (150+)*	A2 (225+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 2 tiết/buổi; - Tổng số: 60 tiết.	15 tuần	Đối tượng: đã đạt trong kỳ kiểm tra TA đầu vào
Course 2 (4 tín chỉ)	A2 (225+)*	A2 (300+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 2 tiết/buổi; - Tổng số: 60 tiết.	15 tuần	
Course 3 (4 tín chỉ)	A2 (300+)*	A2+ (375+)*	4h/unit/tuần Tổng số: 60 giờ online	- 2 buổi/tuần; - 2 tiết/buổi; - Tổng số: 60 tiết.	15 tuần	
Course 3 Plus (2 tín chỉ)	A2+ (375+)*	B1- (450+)*	3h/unit/tuần Tổng số: 45 giờ online	- 1 buổi/tuần; - 2 tiết/buổi;	15 tuần (có thể rút)	

Khóa học	Điểm yêu cầu đầu vào	Điểm yêu cầu đầu ra	Tổ chức đào tạo		Thời gian	Ghi chú
			Tự học trực tuyến	Học trực tiếp		
				- Tổng số: 30 tiết.	ngắn)	
Kiểm tra trình độ tiếng Anh đảm bảo chuẩn đầu ra						

(*): thang điểm số theo thang điểm bài thi TOEIC

Điều 4. Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh

1. Sau khi sinh viên nhập học, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD) chủ trì, phối hợp với phòng Giáo vụ, phòng Đào tạo, Bộ môn Ngoại ngữ tổ chức kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh đầu vào cho sinh viên.

2. Kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để phân loại trình độ tiếng Anh và bố trí lớp học vào chương trình học tiếng Anh.

3. Miễn kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào:

a) Sinh viên đã có các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, còn trong thời hạn quy định và do các Trung tâm khảo thí được ủy quyền cấp, thỏa mãn yêu cầu trình độ tiếng Anh đầu vào của chương trình đào tạo môn tiếng Anh được quy định tại Điều 3 của Quy định này;

b) Sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tiếng Anh bậc Trung học phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm tính đến thời điểm nhập học.

4. Sinh viên sau khi kiểm tra trình độ tiếng Anh được phân loại thành hai (02) nhóm như sau:

a) **Nhóm 1:** Sinh viên có kết quả kiểm tra tiếng Anh đạt trên 150 điểm theo bài thi phân loại trình độ TOEIC Placement Tests trở lên;

b) **Nhóm 2:** sinh viên có kết quả kiểm tra tiếng Anh thấp hơn 150 điểm theo bài thi phân loại trình độ TOEIC Placement Tests và sinh viên không đăng ký dự kiểm tra.

5. Sinh viên thuộc Nhóm 2 sẽ phải học và đạt học phần tiếng Anh bổ trợ (Course 0) trước khi đăng ký các học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo.

6. Học viện tổ chức kiểm tra định kỳ trình độ tiếng Anh cho sinh viên vào Học kỳ thứ 6; các sinh viên chưa tham dự học các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo hoặc chưa nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định bắt buộc phải dự kiểm tra.

7. Trước khi tốt nghiệp, Học viện sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đối với sinh viên theo chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh của Học viện.

Điều 5. Tổ chức lớp học phần tiếng Anh

Căn cứ vào kết quả kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh đầu vào, việc tổ chức lớp học phần tiếng Anh thực hiện như sau:

1. Các sinh viên thuộc Nhóm 1 như quy định tại khoản 4 Điều 4 và các sinh viên thuộc khoản 3 Điều 4 của Quy định này sẽ được xếp vào các lớp học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo, bắt đầu từ Course 1 trong chương trình khung tiếng Anh và phải tích lũy đủ 14 tín chỉ theo chương trình. ✓

2. Các sinh viên thuộc Nhóm 2 như quy định tại khoản 4 Điều 4 thực hiện như sau:

a) Sinh viên phải học và đạt học phần tiếng Anh bổ trợ (Course 0 trong chương trình khung tiếng Anh);

b) Sau khi hoàn thành tích lũy xong học phần tiếng Anh bổ trợ và đạt trình độ trên 150 điểm TOEIC sẽ được đăng ký vào các lớp học phần tiếng Anh chính thức trong chương trình đào tạo;

c) Sinh viên phải đóng học phí học học phần tiếng Anh bổ trợ theo quy định riêng của Học viện.

Điều 6. Miễn học, miễn thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do các Trung tâm khảo thí được ủy quyền cấp, còn hiệu lực (tính đến tháng mà sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học, miễn thi) và thỏa mãn điều kiện theo quy định sẽ được xem xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm sang điểm học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

2. Việc xét miễn học, miễn thi tiếng Anh được áp dụng với từng học phần (course) theo tiến trình đào tạo chuẩn hoặc với môn học tiếng Anh; thời hạn xét miễn học, miễn thi là vào đầu mỗi học kỳ tương ứng với học phần (course) tiếng Anh xin miễn học, miễn thi hoặc trong năm học thứ nhất đối với miễn học, miễn thi môn học tiếng Anh.

3. Việc xét miễn học, miễn thi học phần tiếng Anh không áp dụng cho các học phần tiếng Anh chuyên ngành (nếu có).

4. Việc xét chuyển điểm các học phần (course) tiếng Anh chỉ áp dụng đối với các sinh viên đã đăng ký, tham gia học và thi các học phần (course) tiếng Anh trong chương trình đào tạo của Học viện.

5. Sinh viên có nhu cầu chuyển điểm các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu tại khoản 1 của Điều này trước khi tốt nghiệp theo Thông báo của Học viện (phòng Giáo vụ).

6. Sinh viên được miễn học và miễn thi phải hoàn thành nghĩa vụ lệ phí bảo lưu và chuyển điểm theo quy định của Học viện.

7. Sinh viên chỉ được miễn học, miễn thi hoặc chuyển điểm các học phần (course) tiếng Anh sau khi có Quyết định của Giám đốc Học viện.

8. Bảng điểm quy đổi để chuyển điểm các học phần tiếng Anh quy định tại Phụ lục 2 của quy định này.

9. Các quy định khác về xét miễn học, miễn thi thực hiện theo các quy định hiện hành của Học viện.

Điều 7. Quy trình, thủ tục xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm

1. Hàng năm, đầu mỗi kỳ học, Học viện sẽ tổ chức xét miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của quy định. ✓

2. Sinh viên có nhu cầu miễn học, miễn thi và chuyển điểm phải làm đơn theo mẫu (Phụ lục 3) kèm theo bản sao có công chứng các chứng chỉ tiếng Anh cho Học viện (phòng Giáo vụ), khi nộp đơn phải mang theo bản gốc để kiểm tra, đối chiếu.

3. Học viện sẽ ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên trong thời gian 10 ngày làm việc.

Điều 8. Kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp

1. Trung tâm KT&ĐBCLGD chủ trì phối hợp với Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo và Bộ môn Ngoại ngữ tổ chức kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh 04 lần một năm: vào các tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm.

2. Bài thi kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh theo bài thi TOEIC chuẩn quốc tế.

3. Kết quả kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh có giá trị để xét đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày ký quyết định.

4. Những sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm khảo thí quốc tế ủy quyền với kết quả bằng hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra tiếng Anh, còn thời hạn tính đến thời điểm xét chuẩn đầu ra được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh (Phụ lục 1).

5. Lưu học sinh Lào, Campuchia, Myanmar được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp.

6. Các trường hợp đặc biệt khác do Giám đốc Học viện quyết định.

Điều 9. Công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh trước khi tốt nghiệp

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm khảo thí quốc tế ủy quyền và còn hiệu lực tính đến thời điểm xét công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, có mức bằng hoặc cao hơn so với chuẩn đầu ra được công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh (Phụ lục 1).

2. Sinh viên đạt 450 điểm trở lên theo bài thi TOEIC chuẩn quốc tế sẽ được công nhận là đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

3. Lưu học sinh Lào, Campuchia, Myanmar được miễn chuẩn đầu ra tiếng Anh.

4. Giá trị công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh có hiệu lực 24 tháng kể từ ngày ký quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Đối với khóa tuyển sinh đào tạo từ năm 2019 trở về trước, quy định về chương trình đào tạo và công nhận đạt chuẩn tiếng Anh được thực hiện như sau:

- a) Chương trình đào tạo tiếng Anh thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định tổ chức đào tạo tiếng Anh đối với hệ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Quyết định số 806/QĐ-HV ngày 09 tháng 11 năm 2015;
- b) Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh trước khi tốt nghiệp theo quy định tại Quyết định số 806/QĐ-HV ngày 09 tháng 11 năm 2015.

2. Đối với khóa tuyển sinh đào tạo năm 2019, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ và Bộ môn Ngoại ngữ nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra tiếng Anh cho phù hợp, trình Giám đốc Học viện phê duyệt trong năm 2020.

3. Phòng Tài chính kế toán chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất mức thu chi cho dịch vụ tổ chức đào tạo học phần tiếng Anh hỗ trợ trên cơ sở nguyên tắc cân đối thu chi và trình Giám đốc Học viện ban hành.

4. Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, đề xuất thời điểm áp dụng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra tiếng Anh TOEIC quốc tế đối với sinh viên đại học chính quy hệ đại trà tại Học viện cơ sở và báo cáo Giám đốc Học viện phê duyệt.

5. Trong quá trình tổ chức triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc thì các đơn vị phản ánh bằng văn bản về phòng Đào tạo để tổng hợp trình Giám đốc Học viện. ✓



TS. Vũ Tuấn Lâm

PHỤ LỤC 1: BẢNG QUI ĐỔI CHI TIẾT TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện)

Trình độ	Bậc (KNLN NVN)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bài thi Aptis General của British Council (điểm */200)	Bài thi Jetset của Pearson	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/230)		Các bài thi TA hướng nghiệp		Các bài thi TA Học thuật		
					CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	BULATS (điểm*/100)	TOEIC (điểm*/990)	IELTS (điểm*/9)	TOEFL IBT (điểm*/120)	TOEFL ITP (điểm*/677)
Cao cấp	6	C2	Aptis C	Jetset Level 6	CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	90-100	945-990	8,0-9,0	110-120	650-677
	5	C1	Aptis C		CPE (180-199) CAE (180-199) FCE (180-190)	BEC Higher (180-199)	75-89	850-940	7,5	102-109	627-649
Trung cấp	4C			Jetset Level 5	CAE (160-179) FCE (160-179) PET (160-170)	BEC Vantage (160-179)	60-74	800-845	6,5	79-89	561-589
	4B	B2	Aptis B2					730-795	6,0	72-78	543-560
	4A	B1						600-725	5,5	61-71	500-542
Sơ cấp	3B		Aptis B1	Jetset Level 4	FCE (152-159) PET (152-159)	BEC Preliminary (153-159)	50-59	525-595	5,0	45-60	485-499
	3A				FCE (140-152) PET (140-152)	BEC Preliminary (140-152)	40-49	450-520	4,5	36-44	450-484
		2B	A2			PET (120-139) KET (100-120)	BEC Preliminary (120-139)	20-39	315-445	4,0	31-35
	2A							225-310	3,5		337-419
		1	A1					10-19	120-220	3,0	

* Điểm tối thiểu cần đạt được. Điểm TOEIC phải có đủ hai cột điểm, tương ứng với 4 kỹ năng.

KET: Key English Test **Aptis:** A test system conducted by British Council **IELTS:** International English Language Testing Service
PET: B1 Preliminary **JETSET:** Junior English Tests and Senior English Tests **TOEFL:** Test of English as a Foreign Language
FCE: B2 First for Schools **BEC Vantage:** B2 Business Vantage (Business English Certificate) **TOEIC:** Test of English for International Communication
CAE: C1 Advanced **BEC Higher:** C1 Business Higher (Business English Certificate)
CPE: C2 Proficiency **BULATS:** Business Language Testing Service

PHỤ LỤC 2: BẢNG QUY ĐỔI CHUYỂN ĐIỂM CHI TIẾT TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện)

Trình độ	Bậc (KNLN NVN)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bài thi Aptis General của British Council (điểm */200)	Bài thi Jetset của Pearson	Các bài thi TA Cơ bản của Cambridge (điểm*/230)		Các bài thi TA hướng nghiệp		Các bài thi TA Học thuật			Điểm quy đổi, chuyển điểm các học phần TA			
					CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	BULATS (điểm*/100)	TOEIC (điểm*/990)	IELTS (điểm*/9)	TOEFL iBT (điểm*/120)	TOEFL ITP (điểm*/677)	Course 1	Course 2	Course 3	Course 3 Plus
Cao cấp	6	C2	Aptis C		CPE (200-230) CAE (200-210)	BEC Higher (200-230)	90-100	945-990	8,0-9,0	110-120	650-677	10	10	10	10
	5	C1	Aptis C	Jetset Level 6	CPE (180-199) CAE (180-199) FCE (180-190)	BEC Higher (180-199)			7.5	102-109	627-649	10	10	10	10
Trung cấp	4C				CAE (160-179) FCE (160-179) PET (160-170)	BEC Vantage (160-179)	60-74	800-845	6.5	79-89	561-589	10	10	10	10
	4B	B2	Aptis B2	Jetset Level 5				730-795	6.0	72-78	543-560	10	10	10	10
	4A							600-725	5.5	61-71	500-542	10	9	9	
	3B	B1	Aptis B1	Jetset Level 4	FCE (152-159) PET (152-159)	BEC Preliminary (153-159)	50-59	525-595	5.0	45-60	485-499	9	8	8	
Sơ cấp	3A				FCE (140-152) PET (140-152)	BEC Preliminary (140-152)	40-49	450-520	4.5	36-44	450-484	8	7	7	
	2B	A2			PET (120-139) KET (100-120)	BEC Preliminary (120-139)		315-445	4.0	31-35	420-499	Không áp dụng			
	2A						20-39	225-310	3.5		337-419	Không áp dụng			
	1	A1					10-19	120-220	3.0			Không áp dụng			

* Điểm tối thiểu cần đạt được. Điểm TOEIC phải có đủ hai cột điểm, tương ứng với 4 kỹ năng.

KET: Key English Test
PET: B1 Preliminary
FCE: B2 First for Schools
CAE: C1 Advanced
CPE: C2 Proficiency

Aptis: A test system conducted by British Council
JETSET: Junior English Tests and Senior English Tests
BEC Vantage: B2 Business Vantage (Business English Certificate)
BEC Higher: C1 Business Higher (Business English Certificate)
BULATS: Business Language Testing Service

IELTS: International English Language Testing Service
TOEFL: Test of English as a Foreign Language
TOEIC: Test of English for International Communication

Phụ lục 3. MẪU ĐƠN XIN MIỄN HỌC, MIỄN THI

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 1 năm 2020 của Giám đốc Học viện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN MIỄN HỌC, MIỄN THI HỌC PHẦN TIẾNG ANH

Kính gửi: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Họ và tên: Ngày sinh:

Lớp sinh viên: Khóa học:

Mã sinh viên: Điện thoại:

Căn cứ Quy định về tổ chức đào tạo tiếng Anh của Học viện, tôi làm đơn này xin được xét miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh như sau:

TT	Tên học phần	Nội dung đề nghị được miễn					
1	Course 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Miễn học	<input type="checkbox"/>	Miễn thi	<input type="checkbox"/>
2	Course 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Miễn học	<input type="checkbox"/>	Miễn thi	<input type="checkbox"/>
3	Course 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Miễn học	<input type="checkbox"/>	Miễn thi	<input type="checkbox"/>
4	Course 3 Plus	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Miễn học	<input type="checkbox"/>	Miễn thi	<input type="checkbox"/>

Lý do xin được miễn học, miễn thi:

Đã có chứng chỉ/văn bằng: điểm:

Đơn vị cấp chứng chỉ/văn bằng: ngày cấp:

Có bản sao công chứng/photocopy chứng chỉ/văn bằng kèm theo.

Kính đề nghị Học viện xem xét miễn học, miễn thi theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN, ngày tháng năm 20...

(Ký và ghi rõ họ tên)

SINH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên nộp 02 đơn, Cán bộ tiếp nhận kiểm tra, xác nhận và trả cho sinh viên 01 bản

Phụ lục 4. MẪU ĐƠN XIN DỰ THI

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN DỰ THI

Kính gửi: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GD

Họ và tên: Ngày sinh:

Lớp sinh viên: Khóa học:

Mã sinh viên: Điện thoại:

Tôi làm đơn này xin được đăng ký dự thi tiếng Anh với nội dung thi như sau:

1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh phân loại đầu vào:
2. Kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh:
3. Thi công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh:
4. Thi cải thiện điểm:

Đăng ký kế hoạch thi như sau:

TT	Học phần tiếng Anh (*)	Ngày thi	Giờ thi/Ca thi	Kỳ thi
1.				
2.				
...				

(*): Nếu thi cải thiện điểm phải đăng ký thi cải thiện điểm của học phần nào

Tôi xin thực hiện đúng các quy định hiện hành về việc thi kết thúc học phần, cải thiện điểm, công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh của Học viện.

Kính đề nghị Học viện xem xét.

Xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN ngày tháng năm 20...

(Ký và ghi rõ họ tên)

SINH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên nộp 02 đơn, cán bộ tiếp nhận kiểm tra, xác nhận và trả cho sinh viên 01 bản



**Phụ lục 5. MẪU ĐƠN XIN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC MIỄN KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA
TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-HV ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Học viện)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐƯỢC MIỄN KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH**

Kính gửi: PHÒNG GIÁO VỤ

Họ và tên: Ngày sinh:

Lớp sinh viên: Khóa học:

Mã sinh viên: Điện thoại:

Căn cứ quy định về đào tạo và công nhận chuẩn đầu ra tiếng Anh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, tôi làm đơn này đề nghị được miễn kiểm tra chuẩn đầu ra tiếng Anh:

Lý do và Hồ sơ kèm theo:

Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực: (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

Tên chứng chỉ: Kết quả: điểm;

Đơn vị cấp chứng chỉ:

Xin trân trọng cảm ơn!

XÁC NHẬN CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN , ngày tháng năm 20...
(Ký và ghi rõ họ tên) **SINH VIÊN**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sinh viên nộp 02 đơn, Cán bộ tiếp nhận kiểm tra, xác nhận và trả cho sinh viên 01 bản